

Số: 05 /2026/TT-BDTTG

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15, được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 06/2026/QH16 trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo**

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 06/2026/QH16;*

*Căn cứ Nghị định số 297/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;*

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;

*Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Thông tư quy định chi tiết và
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 trong lĩnh vực công tác dân tộc,
tín ngưỡng, tôn giáo.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành khoản 3 Điều 12, khoản 4 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 2 Điều 71, khoản 6 Điều 74, khoản 2 Điều 75, khoản 4 Điều 76, khoản 6, khoản 8 Điều 84, khoản 6 Điều 90, khoản 10 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 06/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật Thi đua, khen thưởng) trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cá nhân và tập thể các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

2. Cá nhân, tập thể thực hiện nhiệm vụ liên quan đến các lĩnh vực công tác của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; ngành, lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; ngành, lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo bao gồm: các cơ quan, đơn vị thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và quyết định của cấp có thẩm quyền.
2. Các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm các đơn vị được thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo quy định của Chính phủ và quyết định của cấp có thẩm quyền.
3. Đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo bao gồm: các phòng, ban, trung tâm và các tổ chức không có tư cách pháp nhân thuộc cơ cấu tổ chức của cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ được quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Điều 4. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng.
2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” bao gồm các cá nhân làm việc trong các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.
3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, hoàn thành khóa học, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (đối với các khóa đào tạo, bồi dưỡng có xếp loại trung bình, khá, giỏi...) thì được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ.

6. Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến một cơ quan, đơn vị trong một thời gian nhất định: Việc bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị nơi được cử đến biệt phái thực hiện. Trong trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan, đơn vị cũ từ 06 tháng trở lên, cơ quan, đơn vị nơi được cử đến biệt phái xin ý kiến cơ quan, đơn vị cũ.

7. Không bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân có tổng thời gian không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm xét khen thưởng từ 03 tháng trở lên, trừ trường hợp nghỉ chế độ thai sản theo quy định;

b) Cá nhân mới tuyển dụng có thời gian công tác trong năm xét khen thưởng tại đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo dưới 06 tháng hoặc cá nhân ký hợp đồng lao động, hoặc hợp đồng làm việc lần đầu dưới 06 tháng.

8. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hằng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng.

9. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” là cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” theo phong trào thi đua thường xuyên hằng năm được xét tặng cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổ chức, đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào thi đua.

3. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” được quy định cụ thể trong kế hoạch hoặc văn bản phát động của từng phong trào thi đua.

Điều 6. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

Điều 7. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” bao gồm: Các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Thông tư này.

Điều 8. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng hoặc truy tặng Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động hoặc tổ chức, triển khai thực hiện;

b) Có thành tích hoặc thành tích đột xuất, có ảnh hưởng ở một trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trong các ngành, lĩnh vực và các nhiệm vụ khác do Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Cá nhân thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có 02 lần liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

đ) Cá nhân được xét tặng Bằng khen trước khi nghỉ hưởng chế độ hưu trí phải có quá trình công tác tại các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; cá nhân có quá trình công tác tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc và tôn giáo có nhiều đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc và tôn giáo; có thời gian công tác từ 15 năm trở lên, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục trước khi nghỉ hưu, không trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc thi hành kỷ luật;

e) Đạt nhiều thành tích trong công tác có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Dân tộc và Tôn giáo góp phần xây dựng và phát triển công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, nhân dịp cơ quan, đơn vị kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn);

g) Cá nhân khác có thành tích, đóng góp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật và thuộc trường hợp được Bộ trưởng xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo được Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo công nhận.

3. Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tặng cho tập thể thuộc phạm vi quản lý của Bộ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo phát động hoặc triển khai thực hiện;

b) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo hoặc trong thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Dân tộc và Tôn giáo quản lý;

d) Có 02 năm liên tục trở lên đến thời điểm đề nghị được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho thành viên trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

đ) Có thành tích trong công tác có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Dân tộc và Tôn giáo, góp phần xây dựng và phát triển công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo nhân dịp cơ quan, đơn vị kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn);

e) Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tặng cho các tập thể khác có thành tích, đóng góp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo theo quy định của pháp luật và thuộc trường hợp được Bộ trưởng xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

4. Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tặng cho hộ gia đình chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đoàn kết, gương mẫu trong cộng đồng và có thành tích hoặc đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ghi nhận, đề nghị khen thưởng.

5. Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tập thể thuộc các cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo có thành tích, đóng góp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có thành tích, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, công tác xã hội, từ thiện, nhân đạo;

b) Có thành tích, đóng góp thiết thực, hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

c) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

6. Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tặng hoặc truy tặng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; chức sắc, chức việc, cá nhân tiêu biểu trong cộng đồng tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu trong tuyên truyền, vận động đồng bào, Nhân dân, tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

b) Có vai trò tích cực, tiêu biểu trong việc xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; hòa giải, vận động, giải quyết những vấn đề phát sinh trong cộng đồng; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tín ngưỡng, tôn giáo;

c) Có thành tích tiêu biểu trong vận động cộng đồng tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và các phong trào thi đua tại địa phương;

d) Có thành tích, đóng góp tiêu biểu, có ảnh hưởng trong cộng đồng, góp phần xây dựng và phát triển công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

7. Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo được tặng cho cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ, ngành, lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

Điều 9. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” (sau đây gọi là Kỷ niệm chương) là hình thức khen thưởng tặng cho cá nhân có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; ngành, lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Kỷ niệm chương chỉ tặng 01 lần cho mỗi cá nhân, không truy tặng. Kỷ niệm chương không xét tặng cho các cá nhân đã được tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Quản lý nhà nước về Tín ngưỡng, Tôn giáo”.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương:

a) Cá nhân trong các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, hoặc liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, gồm:

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác trong các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, sở, ban, ngành cấp tỉnh có công tác liên quan trực tiếp đến công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc cơ quan, đơn vị cấp xã được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.

Cá nhân được quy định tại điểm a khoản này phải có thời gian công tác từ đủ 15 năm trở lên đối với nam, từ đủ 13 năm trở lên đối với nữ, tính đến thời điểm xét tặng Kỷ niệm chương và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian quy định là điều kiện để xét tặng Kỷ niệm chương.

b) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; lãnh đạo các bộ, ban, ngành

Trung ương; lãnh đạo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có công lao trong lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần vào sự nghiệp công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

c) Cá nhân ngoài các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, hoặc liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, gồm:

Người dân tộc thiểu số, chức sắc, chức việc của các tổ chức tôn giáo được Nhà nước phong tặng một trong các danh hiệu: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Thầy thuốc nhân dân;

Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được cơ quan có thẩm quyền công nhận; người có uy tín, tiêu biểu trong cộng đồng tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo có thành tích, đóng góp tiêu biểu cho sự nghiệp công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo;

Cá nhân có thành tích xuất sắc, đóng góp tiêu biểu nhân dịp đại hội đại biểu toàn quốc các dân tộc thiểu số Việt Nam, đại hội hoặc hội nghị cấp toàn đạo của tổ chức tôn giáo;

Doanh nhân, nghệ sĩ, nghệ nhân có thành tích xuất sắc, có đóng góp thiết thực, hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo;

Cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích, đóng góp thiết thực, hiệu quả trong việc củng cố, tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc, tôn giáo; có công lao giúp đỡ, ủng hộ về vật chất hoặc tinh thần cho sự nghiệp công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.

d) Các trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng Dân tộc và Tôn giáo quyết định theo thẩm quyền.

3. Cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị có chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo và cá nhân thuộc các đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều này khi nghỉ hưu, nếu còn thiếu từ đủ 01 tháng đến dưới 12 tháng thời gian công tác so với thời gian quy định để xét tặng Kỷ niệm chương thì được xem xét tặng Kỷ niệm chương trước khi nghỉ hưởng chế độ hưu trí.

4. Không xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân đang trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật; đang bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xác minh, kết luận về hành vi vi phạm pháp luật. Thời gian thi hành kỷ luật không được tính vào thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương.

Điều 10. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo tặng Giấy khen cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình và các đối

tượng khác thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ, phong trào thi đua hoặc có đóng góp cho sự phát triển của cơ quan, đơn vị và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại Điều này.

2. Đối với cá nhân, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động hoặc tổ chức thực hiện;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; có phẩm chất đạo đức tốt; giữ gìn đoàn kết nội bộ; thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có thành tích, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự phát triển của cơ quan, đơn vị, được xét tặng nhân dịp cơ quan, đơn vị kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn);

đ) Là cá nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có thành tích, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Đối với tập thể, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết và có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động hoặc tổ chức thực hiện;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho thành viên trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với thành viên trong tập thể;

d) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị, được xét tặng nhân dịp cơ quan, đơn vị kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn);

đ) Tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tập thể người nước ngoài có thành tích, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Hộ gia đình có thành tích, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho địa phương, cộng đồng và xã hội trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5. Cá nhân, tập thể người đang học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học, hoạt động phong trào hoặc có đóng góp tích cực cho nhà trường, cơ quan, đơn vị.

6. Đối tượng khác có thành tích, đóng góp thiết thực, hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy định chung về hồ sơ, trình tự, thủ tục khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Hồ sơ đề nghị tặng các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm 01 bộ (bản chính) và văn bản điện tử, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước, trong đó:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng của cơ quan, đơn vị có cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng theo mẫu quy định;

c) Biên bản bình xét thi đua, biên bản họp xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng có thẩm quyền;

d) Văn bản, tài liệu chứng minh thành tích, kết quả, đóng góp và việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và của Thông tư này; đối với từng hình thức khen thưởng, đối tượng và trường hợp cụ thể, thực hiện theo quy định về thành phần hồ sơ tương ứng.

đ) Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng có liên quan đến yếu tố nước ngoài, thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật có liên quan.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với từng danh hiệu thi đua.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất, khen thưởng theo thủ tục đơn giản thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; trường hợp thực hiện theo thủ tục đơn giản thì hồ sơ gồm:

a) Tờ trình đề nghị khen thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng theo mẫu quy định.

4. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo thành tích và các tài liệu trong hồ sơ do cá nhân, tập thể, hộ gia đình đề nghị

khen thưởng. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ trước khi trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

5. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp quy định tại điểm b, c và e khoản 1 Điều 8; điểm b, c và d khoản 3 Điều 8 của Thông tư này phải có ý kiến thống nhất của lãnh đạo Bộ phụ trách lĩnh vực trước khi gửi Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

6. Trình tự xét khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị có cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng tổ chức bình xét, lập hồ sơ và gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

b) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận, kiểm tra thành phần, tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì yêu cầu cơ quan, đơn vị bổ sung, hoàn thiện;

c) Trường hợp cần thiết, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan để làm rõ điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình được đề nghị khen thưởng;

d) Sau khi hoàn thiện hồ sơ, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, báo cáo và trình Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét theo quy định đối với trường hợp thuộc diện phải xin ý kiến Hội đồng;

đ) Trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo và đề nghị của Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng, Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng theo thẩm quyền.

7. Việc lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan trước khi trình Bộ trưởng do Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thực hiện. Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn được yêu cầu. Trường hợp hết thời hạn mà không có ý kiến trả lời hoặc có ý kiến khác nhau, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

8. Thời hạn gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng:

a) Khen thưởng công trạng: Thời hạn gửi hồ sơ thực hiện theo kế hoạch tổng kết công tác hằng năm của Bộ hoặc văn bản hướng dẫn của Bộ về công tác thi đua, khen thưởng;

b) Khen thưởng sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, thi đua theo chuyên đề: Thực hiện theo kế hoạch, hướng dẫn hoặc văn bản phát động phong trào thi đua của cấp có thẩm quyền;

c) Khen thưởng thành tích xuất sắc, thành tích xuất sắc đột xuất: Hồ sơ được lập và gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ngay sau khi cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập được thành tích và đủ điều kiện đề nghị khen thưởng;

d) Khen thưởng phục vụ đại hội, hội nghị, lễ kỷ niệm, ngày thành lập, ngày truyền thống: Hồ sơ phải được gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ chậm nhất 25 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức;

đ) Khen thưởng đối với cá nhân trước khi nghỉ hưởng chế độ hưu trí: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan, đơn vị nhận được thông báo hoặc quyết định nghỉ hưu của cá nhân, cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng lao động có trách nhiệm rà soát thành tích, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

9. Đối với cá nhân đã nghỉ hưu mà cơ quan, đơn vị nơi cá nhân công tác trước khi nghỉ hưu đã được tổ chức lại, sáp nhập hoặc giải thể, cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm xem xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định.

10. Trường hợp cá nhân đã hy sinh, tử trần, cơ quan, đơn vị nơi cá nhân công tác trước khi hy sinh, tử trần hoặc cơ quan, đơn vị tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định của pháp luật.

11. Đối với cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài, hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và pháp luật có liên quan.

12. Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”, kết quả bình xét, kết quả bỏ phiếu và tỷ lệ phiếu đồng ý phải được thể hiện trong biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản họp của Hội đồng Thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở xem xét, đề nghị Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”; đồng thời lập

hồ sơ đề nghị Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và Thông tư này.

2. Đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Tập thể lao động xuất sắc” do Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở bình xét, đề nghị; danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”; và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” đối với cá nhân, tập thể thuộc các cơ quan, đơn vị không có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ có trách nhiệm tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định theo thẩm quyền.

3. Việc xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo” thực hiện trên cơ sở kết quả thực hiện phong trào thi đua và tiêu chuẩn theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng, văn bản hướng dẫn thi hành và quy định của Thông tư này. Đối với từng phong trào thi đua, việc bình xét, lựa chọn tập thể dẫn đầu và thời hạn gửi hồ sơ thực hiện theo kế hoạch, hướng dẫn của phong trào thi đua.

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua quy định tại Điều này thực hiện theo quy định về thành phần hồ sơ được quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư này và quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp thực hiện việc bình xét, bỏ phiếu đối với các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Kết quả bình xét và kết quả bỏ phiếu được lập thành biên bản, làm căn cứ để người có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị tặng Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Khen thưởng thành tích xuất sắc, thành tích xuất sắc đột xuất và khen thưởng theo chuyên đề

a) Cơ quan, đơn vị có cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng căn cứ thành tích đạt được, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền để tổ chức bình xét, lập hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, gửi Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

b) Đối với khen thưởng theo chuyên đề, việc lập hồ sơ, đề nghị khen thưởng thực hiện theo kế hoạch, hướng dẫn tổng kết phong trào thi đua của cấp có thẩm quyền;

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận, kiểm tra, tổng hợp, thẩm định hồ sơ; trường hợp cần thiết, lấy ý

kiến cơ quan, đơn vị có liên quan; báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định.

2. Khen thưởng nhân dịp cơ quan, đơn vị kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống (năm tròn)

a) Cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo căn cứ tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định tại Thông tư này, lập danh sách cá nhân, tập thể có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, có nhiều đóng góp trong quá trình xây dựng và phát triển của cơ quan, đơn vị;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo thời hạn quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận, kiểm tra, tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định.

3. Khen thưởng đối với cá nhân, tập thể ngoài Bộ Dân tộc và Tôn giáo có thành tích, đóng góp trong công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo

a) Cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Sở Dân tộc và Tôn giáo, cơ quan tham mưu công tác quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật căn cứ thành tích, đóng góp và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định tại Thông tư này để đề nghị khen thưởng;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải xác định rõ đối tượng, thành tích, mức độ và phạm vi ảnh hưởng của thành tích, đóng góp; bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn của Bằng khen được đề nghị;

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan khi cần thiết, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định.

4. Khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo căn cứ kết quả phối hợp thực hiện nhiệm vụ, thành tích và mức độ đóng góp của cá nhân, tập thể để đề nghị Bộ trưởng xem xét tặng Bằng khen;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải nêu rõ nội dung nhiệm vụ phối hợp, kết quả thực hiện, thành tích, đóng góp của cá nhân, tập thể và sự cần thiết của việc khen thưởng;

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan khi cần thiết, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định.

5. Khen thưởng đối với cá nhân trước khi nghỉ hưu

a) Cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động căn cứ quá trình công tác, thành tích và tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Bộ trưởng quy định tại Thông tư này để rà soát, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng được gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo trong thời hạn quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định.

6. Khen thưởng công trạng hằng năm

a) Cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng, mức độ hoàn thành nhiệm vụ; kết quả xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến; hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ và các tiêu chuẩn khen thưởng có liên quan để tổ chức bình xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo thời hạn quy định tại Điều 11 của Thông tư này;

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định.

7. Khen thưởng đối với các trường hợp khác

a) Cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có chức năng tham mưu, quản lý nhà nước về lĩnh vực có liên quan đến thành tích của cá nhân, tập thể được đề nghị khen thưởng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan để xác nhận, đánh giá thành tích và lập hồ sơ đề nghị khen thưởng;

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải thể hiện rõ thành tích, đóng góp của cá nhân, tập thể; căn cứ, tiêu chuẩn đề nghị khen thưởng; ý kiến của cơ quan, đơn vị có liên quan và các tài liệu chứng minh thành tích theo quy định;

c) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan khi

cần thiết, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét, trình Bộ trưởng quyết định.

8. Hồ sơ đề nghị tặng Bằng khen của Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư này và quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Đối với từng trường hợp cụ thể, hồ sơ phải có đầy đủ tài liệu chứng minh việc đáp ứng tiêu chuẩn của các hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 14. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”

1. Căn cứ quy định về điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương, cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ theo Mẫu 1e Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, xin ý kiến Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (cho các cá nhân thuộc phạm vi quản lý có đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển công tác dân tộc và tôn giáo) qua cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Sở Dân tộc và Tôn giáo, cơ quan chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo các tỉnh, thành phố.

4. Cơ quan, tổ chức, địa phương có cá nhân đủ điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương gửi hồ sơ về Bộ Dân tộc và Tôn giáo trước ngày 20 tháng 3 hằng năm.

Điều 15. Số lượng, thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Số lượng hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ gồm 01 bộ (bản chính) và văn bản điện tử, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước.

2. Thành phần hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gồm:

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo Mẫu số 1a Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể hoặc đối tượng được đề nghị khen thưởng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này, phù hợp với từng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

c) Biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị hoặc Hội đồng Thi đua, khen thưởng có thẩm quyền, trong đó thể hiện kết quả bình xét, kết quả bỏ phiếu đối với trường hợp pháp luật hoặc Thông tư này quy định phải bỏ phiếu;

d) Văn bản, tài liệu chứng minh thành tích, kết quả, đóng góp và việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và của Thông tư này;

đ) Đối với trường hợp xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, hồ sơ phải có quyết định hoặc văn bản xác nhận sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo Mẫu số 1h Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này hoặc văn bản xác nhận đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu, áp dụng hiệu quả và có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ theo quy định;

e) Đối với trường hợp tiêu chuẩn khen thưởng có liên quan đến sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ, hồ sơ phải có quyết định hoặc văn bản xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền về việc công nhận, nghiệm thu, áp dụng và phạm vi ảnh hưởng theo quy định;

g) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật đối với từng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và trường hợp cụ thể.

3. Thời hạn xử lý hồ sơ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo kiểm tra thành phần, tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ thông báo bằng văn bản hoặc trên hệ thống điện tử cho cơ quan, đơn vị trình khen để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

b) Đối với hồ sơ đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hoàn thành việc tổng hợp, thẩm định, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ xem xét và trình Bộ trưởng quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định;

c) Đối với hồ sơ không đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thẩm định hồ sơ, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị trình khen và nêu rõ lý do;

d) Trường hợp phải lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan hoặc phải bổ sung, xác minh, làm rõ nội dung hồ sơ, thời hạn quy định tại điểm b khoản này được tính từ ngày nhận đủ ý kiến và tài liệu bổ sung theo yêu cầu.

4. Thời hạn xử lý hồ sơ thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, đơn vị có chức năng tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thuộc cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo (sau đây gọi là đơn vị tham mưu công tác thi đua, khen thưởng) kiểm tra thành phần, tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ, đơn vị tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thông báo cho cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan để bổ sung, hoàn thiện;

b) Đối với hồ sơ đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đơn vị tham mưu công tác thi đua, khen thưởng hoàn thành việc thẩm định, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở và trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định theo thẩm quyền;

c) Đối với hồ sơ không đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận thẩm định hồ sơ, đơn vị tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị trình khen và nêu rõ lý do;

d) Trường hợp phải bổ sung, xác minh hoặc lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan, thời hạn giải quyết được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ, tài liệu và ý kiến theo yêu cầu.

5. Thông báo kết quả khen thưởng

Sau khi người có thẩm quyền ban hành quyết định khen thưởng, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, đơn vị có chức năng tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thuộc cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ có trách nhiệm thông báo kết quả và gửi quyết định khen thưởng cho cơ quan, đơn vị trình khen theo quy định. Trường hợp không được khen thưởng, việc thông báo phải nêu rõ lý do để cơ quan, đơn vị trình khen biết và thực hiện.

Chương III
THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG;
THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA,
HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN
CỦA BỘ TRƯỞNG VÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
THUỘC, TRỰC THUỘC BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Điều 16. Hồ sơ, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có nguyện vọng cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng lập 01 bộ hồ sơ (bản chính) và văn bản điện tử, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước, gửi về Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Hồ sơ gồm:

a) Công văn đề nghị cấp đổi, cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi, cấp lại của cá nhân, hộ gia đình khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng hoặc hư hỏng, thất lạc vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do sai thông tin kèm theo Mẫu số 2a, Mẫu số 2b, Mẫu số 2c Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo trình Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp đổi, cấp lại của cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

Hiện vật khen thưởng cấp đổi, cấp lại thực hiện đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” và các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua khác.

Hiện vật cấp đổi, cấp lại do Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ phối hợp với các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau:

Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại do các đồng chí lãnh đạo đã hết nhiệm kỳ ký in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng, trong đó: Nội dung thành tích viết theo quyết định khen thưởng, phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó (mẫu con dấu và mẫu chữ ký in sẵn được phục chế từ mẫu con dấu và chữ ký trong bằng đã được khen thưởng trước đây; quyết định khen thưởng; văn bản giới thiệu chữ ký của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; văn bản quy định mẫu con dấu

của Bộ Công an); phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm” và ghi “Chứng nhận cấp lại bằng số: .../GCN-BD TTG. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình khi được cấp đổi, cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo Giấy chứng nhận cấp đổi, cấp lại Mẫu số 2d Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại do các đồng chí lãnh đạo đương nhiệm ký thực hiện theo mẫu bằng được quy định hiện hành.

3. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm thanh lý hoặc xử lý, tiêu hủy hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi theo quy định.

Điều 17. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng, cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ bản giấy (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề nghị thu hồi đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Báo cáo tóm tắt của cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định

hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

5. Thời hạn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 18. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng của Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo, cá nhân, tập thể, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

2. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và tổ chức thu hồi tiền thưởng theo quy định; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Chương IV **TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG** **CỦA HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 19. Tổ chức của Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các cấp thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm:

a) Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

b) Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở.

2. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo:

a) Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng về công tác thi đua, khen thưởng của Bộ và trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên phạm vi cả nước.

b) Thành phần của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo là Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các Phó Chủ tịch gồm: các Thứ trưởng, Chánh Văn phòng Bộ; các Ủy viên Hội đồng do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

c) Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo gồm: Chủ tịch Hội đồng, các Phó Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng.

d) Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo là đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tham mưu công tác thi đua, khen thưởng.

3. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở

a) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo quyết định thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng của đơn vị mình.

b) Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở gồm:

- Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

- Người đứng đầu đơn vị tham mưu công tác thi đua, khen thưởng là Ủy viên thường trực; Phó Chủ tịch và Ủy viên khác của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ quyết định;

- Thư ký Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở là công chức, viên chức trực tiếp tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ.

c) Đơn vị tham mưu công tác thi đua, khen thưởng là Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở.

Điều 20. Hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng làm việc theo chế độ tập thể, cá nhân phụ trách; tổ chức họp theo yêu cầu của công tác thi đua, khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua, khen thưởng họp khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự.

3. Đối với các thành viên Hội đồng vắng mặt, Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Việc bình xét khen thưởng được thực hiện bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu.

Thực hiện bỏ phiếu đối với các trường hợp xét khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, “Cờ thi đua của Bộ Dân tộc và Tôn giáo”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động xuất sắc” và các trường hợp khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng.

Trong trường hợp cá nhân, tập thể đạt tỷ lệ phiếu nhưng vượt quá tỷ lệ khen thưởng thì lấy kết quả từ cao xuống thấp; trường hợp cuối cùng nếu có số phiếu bằng nhau thì lấy theo kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu của Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng.

5. Tùy theo nội dung cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng có thể quyết định mời thêm một số Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan tham dự cuộc họp. Các đại biểu mời dự họp được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết hoặc bỏ phiếu.

6. Ủy viên Hội đồng Thi đua, khen thưởng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

7. Trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng, Cơ quan Thường trực Hội đồng có trách nhiệm gửi văn bản, tài liệu, lấy ý kiến của từng Ủy viên Hội đồng; tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định.

8. Hội đồng Thi đua, khen thưởng được sử dụng con dấu của cơ quan, đơn vị.

9. Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Trung ương. Các Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp cơ sở phối hợp với nhau trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng và cùng chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng Thi đua, khen thưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi tiếp tục được xem xét, giải quyết theo quy định của Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được tiếp nhận kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ giúp Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ trong việc triển khai thực hiện Thông tư này; căn cứ tình hình thực tiễn phong trào thi đua hằng năm để nghiên cứu, đề xuất số lượng và tỷ lệ khen thưởng trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị cơ quan, đơn vị và cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Dân tộc và Tôn giáo (thông qua Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ) để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ; Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng Bộ DTTG;
- Các Ủy viên Hội đồng TĐKT Bộ DTTG;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ DTTG;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Nội vụ (đối với địa phương không thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công báo;
- Công Thông tin điện tử Bộ DTTG;
- Lưu: VT, THTTTĐKT (08).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Đình Khang